

Bản tin chứng khoán

Trong số này

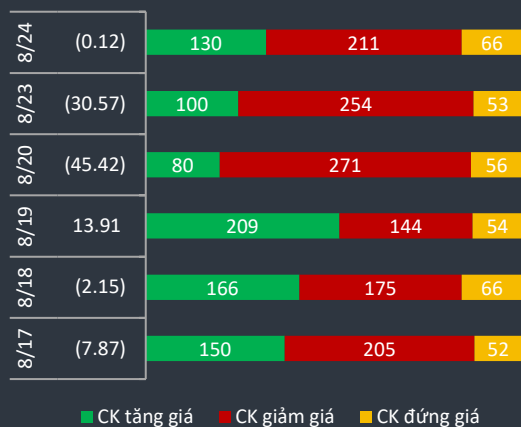
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Thị trường hôm nay đã hạ nhiệt đáng kể và thậm chí còn xanh nhẹ đầu phiên. Hầu như suốt thời gian giao dịch chỉ số Vnindex dao động trong biên độ hẹp +/-5 điểm với thanh khoản ở mức trung bình. Dù vậy chiều bán ra vẫn tỏ vẻ trội hơn phía mua vào và toàn sàn vẫn có 228 mã giảm so với chỉ 145 mã xanh. Nếu như những phiên trước nhóm blue chip bị đè giá thì phiên hôm nay lại góp phần giữ index với 24/30 mã VN30 xanh điểm và tham chiếu. Hàng loạt trụ lớn VJC, SAB, MWG, BVH tăng trên 1.5%. Nhóm ngân hàng cũng có gần 2/3 mã hồi phục so với phiên trước trong đó nổi bật ở MSB, LPB, OCB tăng từ 1.3% - 2.2%. Các bank lớn như CTG, BID, TCB, HDB, VPB cũng vừa đủ giữ xanh nhẹ trong khoảng 1%.

Điểm đặc biệt trong ngày là hai nhóm bất động sản và chứng khoán bị giảm điểm mạnh nhất. Ngay HCM cũng rơi sàn cuối phiên cùng hàng loạt mã lớn giảm trên 5% như VCI, VDS, CTS, MBS, BVS, VND, FTS. Chỉ có khoảng 10 công ty chứng khoán tầm trung và nhỏ giữ xanh như TCI, HBS, SHS, MBS ...

Nhóm cổ phiếu phân đạm, BDS, dệt may cũng điều chỉnh khá mạnh trong ngày như DPM, DCM, KBC, DIG, LCG, STK, TCM, GIL ...

Nhóm ngành tương đối tăng đều nhất trong ngày là bán lẻ với DGW gần tăng trần sau khi chốt quyền chia cổ tức. PET, FRT, MWG cũng đảo chiều tích cực trở lại. Theo quan sát những cổ phiếu có lực tăng tốt và dòng tiền kéo mạnh hôm nay có BMC, TLG, FRT, PDR, DGW, PVT.

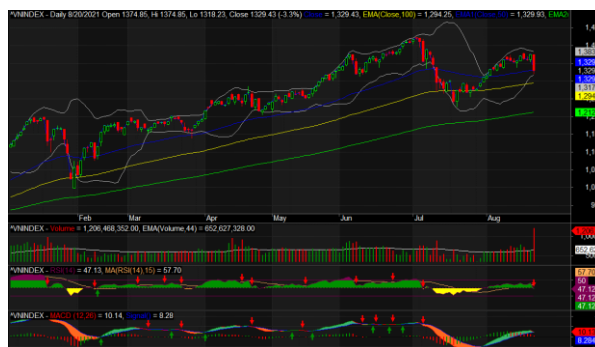
Khối ngoại trong ngày mua bán khá cân bằng khi mua vào 1491 tỷ và bán ra 1359 tỷ đồng – mua ròng khoảng 132 tỷ đồng. Một số cổ phiếu được mua ròng mạnh trong ngày có SSI, MBB, VHM, VHC, SCR, LPB, BMI, PVT và bán ròng một số mã HPG, VRE, STB, GMD, DIG, HDB, DPM. Đây là phiên mua ròng trở lại của khối ngoại sau chuỗi bán ròng gần 10 phiên với hơn 8 ngàn tỷ đồng.

Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

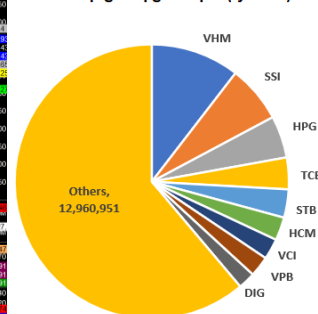
SSI	138.17
VHM	90.36
VHC	34.43
MBB	26.97
VNM	23.71
SAB	14.64
LPB	13.72
BMI	12.30
VCI	(19.31)
DIG	(20.15)
STB	(20.39)
VRE	(22.25)
DPM	(26.60)
HPG	(39.84)
GMD	(60.77)
MSN	(64.64)

Vnindex 1,298.74

▼ -0.12 (-0.01%)



Top giá trị giao dịch (tỷ VNĐ)



Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
PDR	86.0	3,800	4.62
VJC	122.8	2,500	2.08
SAB	142.4	2,400	1.71
MWG	160.5	2,400	1.52
MSN	128.5	1,500	1.18
BVH	52.6	600	1.15
FPT	91.9	900	0.99
ACB	32.3	300	0.94
STB	27.3	250	0.93
TPB	34.1	250	0.74
VPB	61.0	400	0.66
PLX	48.8	300	0.62
NVL	105.5	600	0.57
HPG	47.8	250	0.53
TCB	49.0	250	0.51
VRE	26.2	100	0.38
VNM	86.3	300	0.35
HDB	33.7	100	0.30
BID	39.4	100	0.25
GAS	86.0	200	0.23
CTG	32.8	50	0.15
VHM	107.3	100	0.09
POW	10.6	-	-
REE	57.9	(100)	(0.17)
MBB	28.6	(50)	(0.17)
PNJ	88.3	(200)	(0.23)
VCB	97.0	(300)	(0.31)
VIB	35.9	(150)	(0.42)
GVR	34.0	(200)	(0.58)
HVN	20.4	(150)	(0.73)
VIC	95.4	(800)	(0.83)
BCM	44.5	(450)	(1.00)
DHG	93.7	(1,400)	(1.47)
SSI	61.2	(2,200)	(3.47)

Chỉ số Vnindex giữ mốc 1298 và không thay đổi so với phiên hôm trước. Tuy nhiên điểm số chỉ phản ánh một phần còn thực tế thị trường hôm nay vẫn là suy giảm. Có sự hoán đổi giữa các nhóm ngành như hôm nay nhóm ngành thép và dầu khí, bán lẻ, ngân hàng tích cực hơn trong khi những phiên trước đó là nhóm phân đạm, chứng khoán. Xu hướng điều chỉnh của thị trường đợt này vẫn kỳ vọng có thể kết thúc quanh ngưỡng 1270 -1300. Vì vậy các phiên giảm mạnh có thể tích lũy dần trở lại.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
REE	57.9	2.3	50	65	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 54	7/12/2021	13.5%
GVR	34.0	(9.3)	28	38	Nắm giữ, lưu ý ngưỡng kháng cự 38	7/12/2021	15.6%
HCM	53.2	(3.3)	44	60	Nắm giữ, lưu ý ngưỡng kháng cự 60	7/12/2021	18.2%
VCI	58.1	(6.1)	47	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 55-57	7/12/2021	18.6%
VND	50.0	(5.1)	40	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 50	7/28/2021	16.3%
SSI	61.2	(0.2)	45	70	Nắm giữ	7/12/2021	22.4%
MBB	28.6	(8.5)	25	35	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 28	7/12/2021	-1.4%
OCB	22.9		20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 24	7/12/2021	-0.4%
TCB	49.0	(8.1)	47	60	Nắm giữ, mua thêm quanh 48-50	7/12/2021	-5.8%
HPG	47.8	(5.3)	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 45	7/12/2021	6.2%
STB	27.3	(9.6)	27	35	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 27,28	7/12/2021	-2.5%
DGW	86.8	6.2	120	170	Nắm giữ	3/3/2021	73.6%
MWG	160.5	(5.5)	130	190	Nắm giữ	2/3/2021	25.9%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

NTL	3.14
DGW	3.33
CMG	3.46
FCM	3.57
PC1	3.97
TDH	3.99
VHC	4.00
FRT	4.23
PDR	4.62
TLG	4.75
DAH	6.35
SBV	6.38
TCD	6.50
TVB	6.67
BMC	6.97
BIC	6.99
VMD	6.99
PHC	7.00
KSH	8.00

Top tăng giá HNX

PVB	2.29
PVS	2.55
DID	2.90
VC7	3.08
NVB	3.31
HKT	3.33
VHE	3.41
TNG	3.62
SED	3.89
HBS	4.00
HLC	4.30
KHB	4.35
CDN	4.59
NSH	4.67
L18	5.36
SVN	5.41
AAV	5.95
VIG	6.67
KSQ	9.09
FID	9.09
KVC	9.68
SD2	9.68
EID	9.70
DAD	10.00

GSP - CTCP Vận tải sản phẩm khí Quốc tế - Công bố tổng doanh thu 8 tháng ước đạt 1.130 tỷ đồng, thực hiện 87% kế hoạch năm; lợi nhuận trước thuế hơn 47 tỷ đồng, thực hiện 72% kế hoạch năm.

DCL - CTCP Dược phẩm Cửu Long - Dự kiến phát hành 2 triệu cổ phiếu ESOP, tương ứng tỷ lệ 3,52% số lượng cổ phần đang lưu hành. Giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu, thấp tới gần 78% so với thị giá cổ phiếu hiện tại trên thị trường.

VOS - CTCP Vận tải biển Việt Nam - Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) thông báo, tiếp tục giữ nguyên diện kiểm soát đối với cổ phiếu, do vẫn còn lỗ lũy kế và vấn đề nhấn mạnh của kiểm toán liên quan đến khả năng hoạt động liên tục của công ty (lỗ lũy kế 699,13 tỷ đồng, nợ quá hạn là 520 tỷ đồng).

TGG - CTCP Louis Capital – Đã thông qua chủ trương mua số lượng cổ phiếu dự kiến tương ứng tỷ lệ 51% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của CTCP Sametel (SMT), với tổng giá trị tối đa là 56 tỷ đồng, tương ứng tối đa 20.000 đồng/cổ phiếu.

PGD - CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - Ngày 01/9 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 6/9. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 20%, thanh toán bắt đầu từ ngày 04/10/2021.

SBV - CTCP Siam Brothers Việt Nam - Ngày 20/8, HĐQT đã thông qua việc trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 12%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 24/9/2021 và thanh toán bắt đầu từ ngày 22/10/2021.

SHI - CTCP Quốc tế Sơn Hà - Bà Đoàn Thị Tuyết, cổ đông lớn đã bán ra hơn 10,4 triệu cổ phiếu SHI trong ngày 17/8. Sau giao dịch, bà Tuyết đã giảm sở hữu tại SHI xuống còn hơn 6,25 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 6,24%.

MSN - CTCP Tập đoàn Masan - Công ty TNHH MTV Xây dựng Hoa Hường Dương đã mua 262.700 cp trong tổng số 1,5 triệu cp đăng ký mua trước đó, nâng lượng sở hữu sau giao dịch lên 156.730.406 cp (tỷ lệ 13,28%). Giao dịch thực hiện từ 22/7 đến 20/8/2021.

Cũng liên quan cổ phiếu MSN, CTCP Masan đã mua 1.221.600 cp trong tổng số 3,5 triệu cp đăng ký mua trước đó, nâng lượng sở hữu sau giao dịch lên 370.507.120 cp (tỷ lệ 31,38%). Giao dịch thực hiện từ 22/7 đến 20/8/2021.

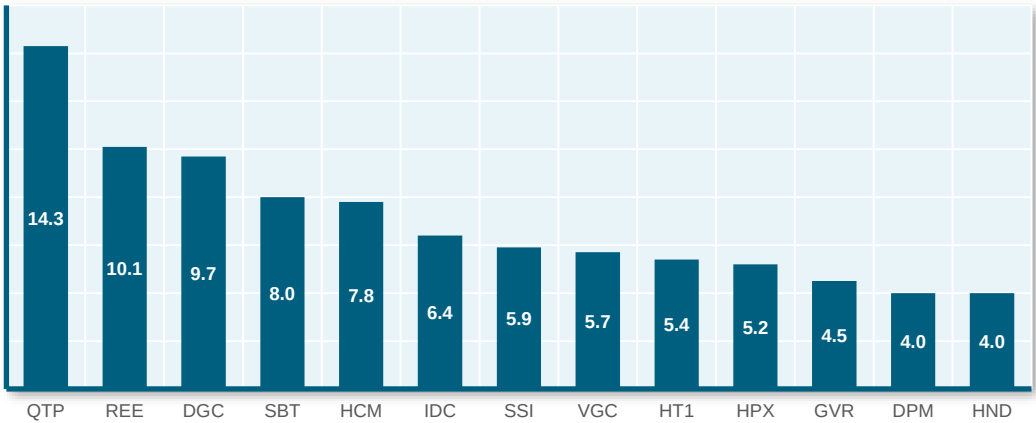


Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	
BID	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	48,524
	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
MBB	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thương	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
ABB	UPCOM	20.3	1,672,258	7.2	1.2	-	-	11,598	30.00	2,801	16,320
ACB	HOSE	32.3	9,084,200	9.0	1.8	-	-	87,273	30.00	3,593	17,547
BAB	UPCOM	22.0	64,700	23.6	1.8	-	-	15,587	-	931	12,064
BID	HNX	39.4	2,540,900	15.7	1.9	106,200	291,100	158,468	16.70	2,512	20,453
CTG	HOSE	32.8	11,178,500	9.6	1.3	2,013,400	2,077,400	157,388	24.53	3,404	24,665
EIB	HOSE	24.1	281,600	27.6	1.7	6,500	500	29,629	29.74	874	13,822
HDB	HOSE	33.7	2,542,400	10.2	2.0	422,200	820,900	53,710	18.34	3,303	16,572
LPB	UPCOM	23.1	7,413,200	9.3	1.6	599,100	700	27,743	3.48	2,487	14,059
MBB	HOSE	28.6	13,980,800	10.4	1.5	1,535,500	588,200	107,871	22.32	2,762	19,196
MSB	HOSE	27.6	7,471,100	8.7	1.8	-	-	32,430	30.00	3,167	15,368
NVB	HNX	28.1	1,571,003	-	2.7	-	-	11,431	8.65	27	10,532
OCB	HOSE	22.9	1,872,200	7.5	1.4	-	-	31,370	15.00	3,038	16,848
SHB	HNX	27.0	11,935,349	13.4	1.8	1,700	12,600	51,990	3.95	2,013	14,631
SSB	HOSE	35.6	2,167,200	20.7	3.0	-	-	47,793	-	1,723	11,769
STB	HOSE	27.3	25,860,800	14.2	1.7	1,336,300	2,083,600	51,372	16.19	1,922	16,485
TCB	HOSE	49.0	16,213,400	10.6	2.2	-	2,300	171,740	22.49	4,611	22,566
TPB	HOSE	34.1	3,121,900	8.5	2.0	-	-	36,490	30.00	4,002	17,399
VCB	HOSE	97.0	1,069,100	17.5	3.6	337,400	500,300	359,761	23.56	5,532	27,234
VIB	HOSE	35.9	1,408,500	8.8	2.1	6,400	24,600	55,680	20.50	4,088	17,420
VPB	HOSE	61.0	8,345,400	12.1	2.7	-	290,500	150,655	15.37	5,038	22,811
			129,794,510	12.88	1.99	6,364,700	6,692,700	1,649,979		2,891	17,388



Thống kê nhóm cổ phiếu chứng khoán:

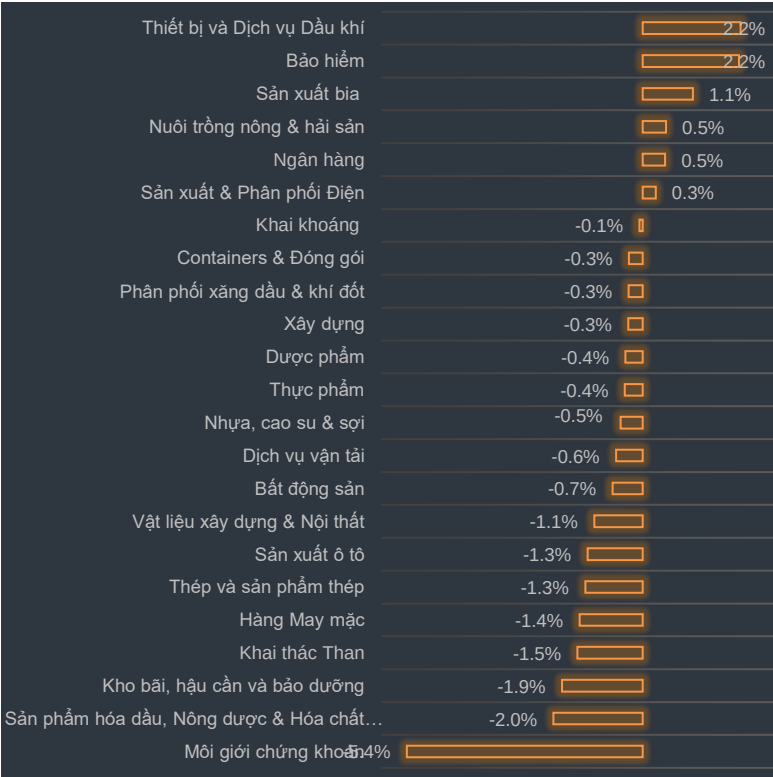
Mã CK	Sàn CK	Giá	Vol3t	Vốn Hóa	EPS	PE	P/Bv	BV	%
SSI	UPCOM	61,200	14,408,466	40,080,762	2,647.4	23.1	3.45	17,724	(3.47)
VCI	UPCOM	58,100	4,560,839	19,347,300	3,445.7	16.9	1.96	29,655	(6.59)
HCM	HNX	53,200	6,197,262	16,228,226	3,099.8	17.2	3.41	15,612	(6.83)
VND	UPCOM	50,000	9,013,864	21,451,452	6,320.1	7.9	2.39	20,939	(6.19)
SHS	UPCOM	40,000	7,212,694	8,290,728	5,431.3	7.4	2.23	17,951	0.50
MBS	UPCOM	33,500	3,214,797	8,964,824	1,470.3	22.8	2.55	13,147	(7.97)
FTS	HOSE	52,800	610,102	7,791,461	3,583.0	14.7	2.97	17,751	(5.88)
VIX	HNX	28,700	3,932,218	3,659,149	5,549.5	5.2	1.77	16,190	(6.98)
AGR	HOSE	16,300	3,305,607	3,442,559	1,000.6	16.3	1.67	9,775	(5.23)
BSI	UPCOM	27,500	1,761,971	3,343,194	2,231.6	12.3	2.16	12,711	(6.14)
ORS	HNX	26,500	1,389,198	5,300,000	1,944.6	13.6	2.51	10,574	(7.34)
VDS	HOSE	29,200	1,027,857	3,069,056	3,856.6	7.6	2.27	12,884	(6.86)
CTS	HOSE	28,300	1,854,802	3,005,789	2,676.3	10.6	2.04	13,885	(6.92)
TVS	HOSE	32,400	111,355	3,182,820	5,036.9	6.4	2.18	14,852	(3.86)
BVS	UPCOM	33,100	1,098,669	2,389,825	3,242.7	10.2	1.23	26,909	(8.82)
EVS	HOSE	34,100	360,401	2,148,314	3,859.6	8.8	2.41	14,167	(6.58)
SBS	HOSE	14,900	3,700,821	1,887,234	79.4	187.7	9.07	1,643	(9.15)
PHS	HOSE	17,300	1,840	1,557,000	979.4	17.7	1.53	11,291	(1.14)
TVB	HOSE	24,000	1,087,445	1,707,453	2,793.8	8.6	2.06	11,645	6.67
ART	HNX	9,600	4,050,829	930,456	31.6	303.7	0.84	11,459	(6.80)
TCI	UPCOM	20,500	259,668	1,014,750	2,671.6	7.7	1.68	12,235	5.13
IVS	UPCOM	11,400	95,489	790,590	411.7	27.7	1.16	9,862	(7.32)
BMS	UPCOM	24,400	194,644	1,390,800	4,097.6	6.0	1.88	12,977	10.91
APS	HOSE	14,700	1,879,541	573,300	2,387.2	6.2	1.32	11,126	(4.55)
PSI	UPCOM	11,300	232,313	676,207	300.3	37.6	1.07	10,519	(9.60)



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	SZC	HOSE	17/09/2021	20/09/2021	11/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	TBC	HOSE	9/9/2021	10/9/2021	24/09/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	SSI	HOSE	8/9/2021	9/9/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 6:2	Thưởng cổ phiếu
4	SSI	HOSE	8/9/2021	9/9/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 6:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
5	TDB	UPCoM	8/9/2021	9/9/2021	30/09/2021	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	VNM	HOSE	7/9/2021	8/9/2021	30/09/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	DNC	HNX	7/9/2021	8/9/2021	8/10/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	HPX	HOSE	6/9/2021	7/9/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
9	BDW	UPCoM	1/9/2021	6/9/2021	24/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	PSN	UPCoM	31/08/2021	1/9/2021	29/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	GMC	HOSE	31/08/2021	1/9/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
12	CMV	HOSE	30/08/2021	31/08/2021	30/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	MWG	HOSE	30/08/2021	31/08/2021	13/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	MWG	HOSE	30/08/2021	31/08/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 2:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
15	UPC	UPCoM	30/08/2021	31/08/2021	20/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	DRL	HOSE	27/08/2021	30/08/2021	10/9/2021	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	TEG	HOSE	27/08/2021	30/08/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	TEG	HOSE	27/08/2021	30/08/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 3:2, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
19	INC	HNX	27/08/2021	30/08/2021	15/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	FHS	UPCoM	27/08/2021	30/08/2021	10/9/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	VTB	HOSE	26/08/2021	27/08/2021	16/09/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	VTB	HOSE	26/08/2021	27/08/2021	16/09/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	TPC	HOSE	26/08/2021	27/08/2021	20/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	HDB	HOSE	26/08/2021	27/08/2021		Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:25	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
25	BSI	HNX	26/08/2021	27/08/2021	15/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	TMG	UPCoM	26/08/2021	27/08/2021	14/09/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	SHE	HNX	26/08/2021	27/08/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:2	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
28	PHP	HNX	25/08/2021	26/08/2021	24/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

Tăng giảm ngành trong ngày



Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản:

LEC, AAV, PDR

Xây dựng:

SIC, SD2, S55

Dầu khí:

PVS, CNG, PVD

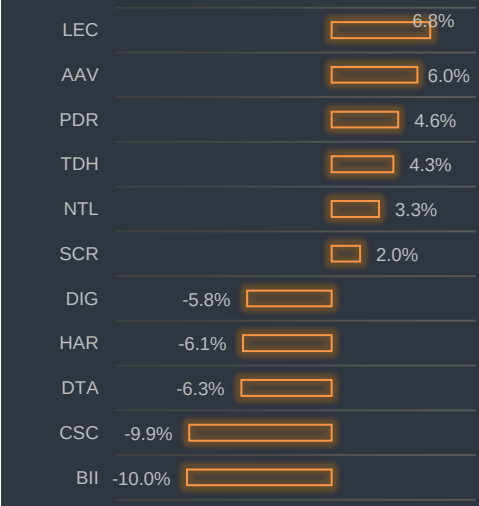
Chứng khoán:

VIG, HBS, WSS

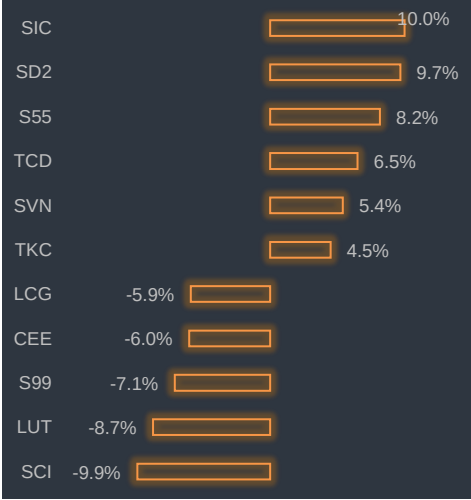
Ngân hàng:

NVB, MSB, LPB

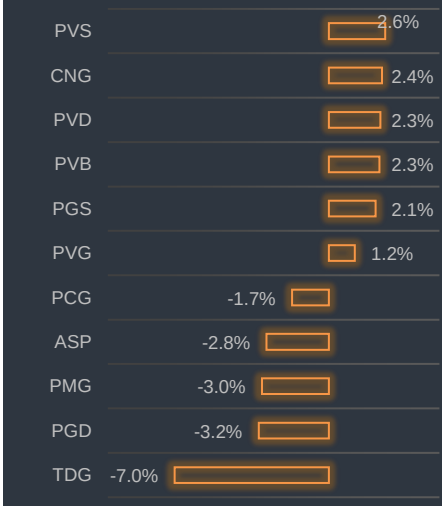
Bất động sản



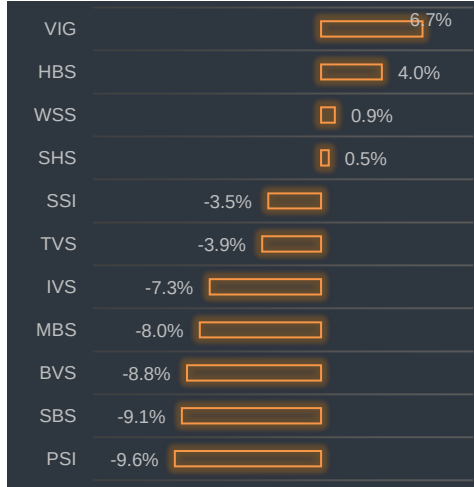
Xây dựng



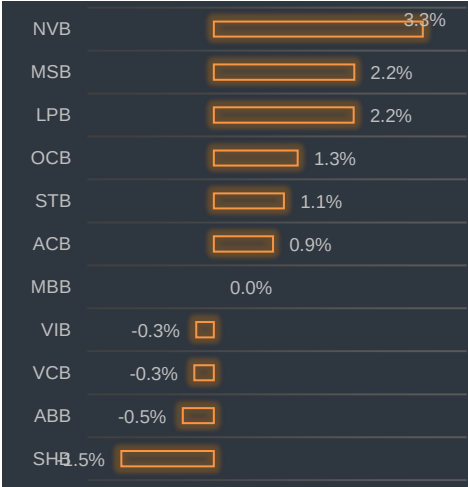
Dầu khí



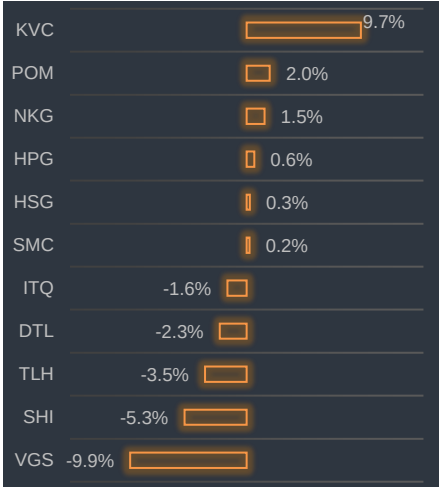
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931